

Kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa trong một thế giới bất định

LÊ NHƯ MAI

Viện Nghiên cứu chiến lược, Học viện Ngoại giao

06:21, ngày 07-07-2026

TCCS - Trong bối cảnh thế giới và khu vực diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường, Việt Nam kiên định thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế. Đây là sự lựa chọn chiến lược đúng đắn, phù hợp với lợi ích quốc gia - dân tộc và xu thế của thời đại. Việc kiên trì đường lối đối ngoại đúng đắn đã góp phần nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tạo nền tảng cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong giai đoạn mới.

Khái quát tình hình quốc tế hiện nay, Tổng Bí thư Tô Lâm trong bài viết “Vươn mình trong hội nhập quốc tế” (ngày 3-4-2025) nhấn mạnh: “Thế giới đang đứng trước những thay đổi căn bản mang tính thời đại, biến đổi sâu sắc về mọi mặt dưới tác động của các chuyển dịch lớn của chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học - công nghệ. Giai đoạn từ nay đến năm 2030 là giai đoạn quan trọng nhất để định hình và xác lập trật tự thế giới mới” ⁽¹⁾.

Thực tiễn quốc tế đã và đang cho thấy nhiều dấu hiệu bất ổn, phản ánh sự vận động đầy phức tạp của cục diện toàn cầu. Nguyên nhân sâu xa xuất phát từ sự điều chỉnh trong tương quan sức mạnh tổng hợp giữa các trung tâm quyền lực lớn. Sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, sức mạnh tổng hợp của một số quốc gia có xu hướng suy giảm, trong khi nhiều nền kinh tế mới nổi vươn lên mạnh mẽ, từng bước khẳng định vai trò và ảnh hưởng ngày càng rõ nét. Sự dịch chuyển này khiến cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng quyết liệt, kéo theo những biến động sâu sắc trong cấu trúc hệ thống quốc tế.

Trong bối cảnh đó, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Cuộc xung đột Nga - Ukraine kéo dài từ năm 2022 đã “châm ngòi” cho hàng loạt cuộc khủng hoảng, tác động trực tiếp đến đời sống chính trị, kinh tế và an ninh toàn cầu. Cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn cùng với sự gia tăng các “điểm nóng” xung đột cục bộ, đang đẩy môi trường quốc tế vào trạng thái bất ổn. Quá trình toàn cầu hóa vẫn tiếp diễn, nhưng gặp nhiều trở ngại; luật pháp quốc tế và các cơ chế hợp tác đa phương toàn cầu phải đối mặt với những thách thức chưa từng có.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mở ra nhiều cơ hội, song cũng đặt ra không ít thách thức cho các quốc gia - dân tộc. Các vấn đề an ninh phi truyền thống, như an ninh mạng, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, thiên tai, dịch bệnh,... ngày càng nổi lên, trong đó dư chấn của đại dịch COVID vẫn tác động tiêu cực đến tiến trình phục hồi và tăng trưởng kinh tế thế giới. Ở phương diện khu vực, châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Đông Nam Á - không gian an ninh trực tiếp của Việt Nam - tiếp tục trở thành tâm điểm cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, tiềm ẩn nhiều bất ổn.

Trước bối cảnh thế giới và khu vực nhiều biến động, Đại hội XIII của Đảng (tháng 1-2021) đã xác định rõ định hướng đối ngoại: “Tiếp tục thực hiện đường

lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam”⁽²⁾. Việc kiên định triển khai nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa không chỉ là sự lựa chọn chiến lược đúng đắn trong bối cảnh hiện nay, mà còn phù hợp với xu thế vận động chung của quan hệ quốc tế; vừa bảo đảm thực hiện đồng thời các mục tiêu về an ninh, phát triển và nâng cao vị thế quốc gia; đồng thời, thể hiện sự vận dụng sáng tạo tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, kế thừa và phát triển đường lối đối ngoại đổi mới của Đảng từ Đại hội VI đến nay.

Thứ nhất, đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ của Việt Nam phù hợp với quy luật ứng xử chung của các quốc gia trong hệ thống quốc tế hiện nay.

Trong lịch sử chính trị quốc tế, có thể nhận diện ba dạng thức cơ bản của hệ thống quốc tế: *Một là*, hệ thống đế chế, trong đó một trung tâm quyền lực kiểm soát phần lớn lãnh thổ và dân cư, thiết lập trật tự theo ý chí, tiêu biểu như đế chế La Mã hay các triều đại phong kiến Trung Hoa. *Hai là*, hệ thống phong kiến, đặc trưng bởi sự đan xen nhiều tầng nấc quyền lực, quan hệ chính trị chủ yếu dựa trên sự trung thành cá nhân và huyết tộc hơn là biên giới lãnh thổ, điển hình ở châu Âu thời kỳ Trung cổ. *Ba là*, hệ thống quốc gia - dân tộc, hình thành trong thời kỳ hiện đại, khi quốc gia có chủ quyền trở thành chủ thể trung tâm của quan hệ quốc tế. Dấu mốc quan trọng khởi đầu cho hệ thống này là Hòa ước Westphalia năm 1648 - văn bản pháp lý đầu tiên khẳng định nguyên tắc độc lập, bình đẳng và chủ quyền quốc gia.

Trải qua nhiều giai đoạn, hệ thống quốc tế liên tục biến đổi theo trật tự thế giới của từng thời kỳ: hệ thống Westphalia (1648 - 1815), hệ thống Vienna (1815 - 1918), hệ thống Versailles - Washington (1918 - 1945), hệ thống Yalta (1945 - 1991) và hệ thống sau Chiến tranh lạnh (từ năm 1991 đến nay). Dù tồn tại ở hình thái nào, hệ thống quốc tế cũng đặt ra những ràng buộc mang tính cấu trúc, chi phối và định hình hành vi ứng xử chung của các quốc gia. Từ thực tiễn đó có thể khẳng định, việc Việt Nam kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa là sự thích ứng phù hợp với quy luật vận động khách quan của môi trường quốc tế đương đại.

Bản chất của hệ thống quốc tế đương đại là “vô chính phủ”, nghĩa là không tồn tại một quyền lực siêu quốc gia đứng trên các quốc gia để điều hành và quản trị thế giới như vai trò của nhà nước trong phạm vi quốc gia. Trong môi trường đó, các quốc gia, dù lớn hay nhỏ, đều phải tìm cách bảo đảm an ninh, với xu thế chung là tự lực, tự cường. Dù trật tự thế giới trong tương lai được định hình theo mô hình đơn cực, lưỡng cực hay đa cực, với sự nổi lên của bất kỳ siêu cường nào, bản chất “vô chính phủ” của hệ thống quốc tế vẫn không thay đổi. Điều đó buộc các quốc gia phải dựa vào sức mạnh tổng hợp bên trong, đồng thời mở rộng và làm sâu sắc quan hệ hợp tác bên ngoài để thích ứng. Do đó, đối với các quốc gia đang phát triển, con đường bảo đảm an ninh và phát triển bền vững trước sức ép cạnh tranh chiến lược của các nước lớn chính là tăng cường nội lực gắn với triển khai nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa.

Thực tiễn đã minh chứng, đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa của Việt Nam thể hiện rõ tính tất yếu khách quan đó. Độc lập là trạng thái quốc gia không bị lệ thuộc bên ngoài, giữ vững toàn vẹn lãnh thổ, không chịu sự đe dọa của bất kỳ thế lực nào. Tự chủ là năng lực kiểm soát và quyết định các tiến trình phát triển, nhất là về chính sách, trong phạm vi quản lý quốc gia, không để bị chi phối hay can thiệp. Đa phương hóa là chủ động mở rộng quan hệ với nhiều quốc gia, tổ chức và chủ thể quốc tế khác; trong khi, đa dạng hóa là phát triển quan hệ đối ngoại trên nhiều lĩnh vực (chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, văn hóa - xã hội,...) và dưới nhiều hình thức (song phương, đa phương; kênh Nhà nước, Đảng, Quốc hội).

Thứ hai, kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa là sự lựa chọn chính sách đúng đắn, giúp Việt Nam bảo đảm mục tiêu về an ninh, phát triển và nâng cao vị thế quốc tế, qua đó phục vụ thiết thực lợi ích quốc gia - dân tộc.

Trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể, mỗi quốc gia đều có nhu cầu và ưu tiên riêng, từ đó định hình chính sách đối nội và đối ngoại nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược đã đề ra. Cố Phó Thủ tướng Vũ Khoan từng khái quát ba mục tiêu cơ bản trong chính sách đối ngoại của các quốc gia, đó là: an ninh (bảo đảm chủ quyền, an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ), phát triển (tạo dựng điều kiện quốc tế thuận lợi cho phát triển) và ảnh hưởng (nâng cao vai trò, uy tín, vị thế trên trường quốc tế). Ba mục tiêu này có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau, đồng thời phản ánh lợi ích cốt lõi của quốc gia - dân tộc. Đối với các nước đang phát triển, khi tầm vóc và vai trò quốc tế còn hạn chế, mục tiêu “ảnh hưởng” thường được thể hiện dưới góc độ vị thế.

Đối với Việt Nam, kể từ khi giành độc lập (năm 1945) đến nay, thứ tự ưu tiên giữa ba mục tiêu an ninh, phát triển và vị thế luôn có sự điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với tình hình trong nước và thế giới. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954) và kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), mục tiêu an ninh được đặt lên hàng đầu. Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ đã giúp Việt Nam tranh thủ được sự ủng hộ chính trị - ngoại giao và viện trợ vật chất từ bạn bè quốc tế, tạo nguồn lực quan trọng để giành thắng lợi trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Bước sang thời kỳ đổi mới, trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia ngày càng gia tăng, các vấn đề đối nội và đối ngoại ngày càng đan xen, tác động lẫn nhau sâu sắc. Đối với những quốc gia đang phát triển như Việt Nam, sức ép từ các nước lớn có ưu thế vượt trội là điều khó tránh khỏi; đồng thời, việc duy trì quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước láng giềng trở thành yếu tố quan trọng để bảo đảm an ninh và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định. Trong điều kiện đó, đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa đã trở thành công cụ chiến lược quan trọng, giúp Việt Nam củng cố nội lực, tạo thế đan xen lợi ích, duy trì quan hệ hữu nghị, hợp tác với các đối tác khu vực và các nước lớn, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc và thúc đẩy sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước.

Trong thời kỳ vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc hiện nay - mục tiêu phát triển được đặt ở vị trí ưu tiên hàng đầu, gắn

với khát vọng đưa Việt Nam trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI như Đại hội XIII của Đảng đã đề ra. Trong bài phát biểu kỷ niệm 95 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (ngày 3-2-2025), Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh: “Để thực hiện thành công mục tiêu đến năm 2030 là nước đang phát triển, thu nhập trung bình cao, đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao; ngay từ năm 2025 chúng ta phải nỗ lực tối đa, tạo những yếu tố đột phá trong thu hút đầu tư, thúc đẩy mạnh mẽ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; phấn đấu đạt mức tăng trưởng ít nhất 8% hoặc cao hơn; tạo nền tảng vững chắc để đạt tốc độ tăng trưởng hai con số từ năm 2026”⁽³⁾. Đảng chủ trương phát triển kinh tế tư nhân, phát động phong trào thi đua toàn dân làm giàu để đóng góp cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để hiện thực hóa mục tiêu này, vai trò tiên phong của đối ngoại trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước cần tiếp tục được phát huy. Thông qua việc xây dựng mạng lưới đối tác rộng mở, đa dạng, chủ động và tích cực tham gia các cơ chế hợp tác kinh tế đa phương, Việt Nam có điều kiện mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất, nhập khẩu, thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Đây là nền tảng quan trọng bảo đảm tăng trưởng kinh tế ổn định, bền vững và giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào một số thị trường, đối tác nhất định.

Thực tiễn 40 năm thực hiện đường lối đổi mới đã minh chứng, đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Trên nền tảng đó, mục tiêu nâng cao vị thế quốc tế ngày càng trở nên quan trọng. Sự khẳng định vai trò và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế thể hiện rõ nét qua tiến trình chủ động hội nhập quốc tế và đẩy mạnh đối ngoại đa phương. Báo cáo chính trị Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả vì lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo đảm độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia”. Về đối ngoại đa phương, Đại hội XIII khẳng định: “Chủ động tham gia, tích cực đóng góp, nâng cao vai trò của Việt Nam trong xây dựng, định hình các thể chế đa phương”⁽⁴⁾. Để hiện thực hóa định hướng đã xác định, Đảng ban hành Chỉ thị số 25-CT/TW, ngày 8-8-2018, của Ban Bí thư, “Về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030”. Triển khai chủ trương của Đảng đòi hỏi Việt Nam phải kiên định nguyên tắc độc lập, tự chủ gắn liền với đa phương hóa, đa dạng hóa trong quan hệ đối ngoại. Độc lập, tự chủ là nền tảng để Việt Nam hội nhập quốc tế và đẩy mạnh đối ngoại đa phương với bản lĩnh và định hướng rõ ràng, giữ vững bản sắc dân tộc, qua đó khẳng định uy tín trong cộng đồng quốc tế. Ngược lại, đa phương hóa, đa dạng hóa mở ra không gian hợp tác rộng lớn, tạo điều kiện để nâng cao hiệu quả tham gia các cơ chế quốc tế, tranh thủ được sự ủng hộ rộng rãi khi Việt Nam đảm nhiệm trọng trách ở khu vực và toàn cầu.

Thứ ba, đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa là sự vận dụng sáng tạo tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh - người đặt nền móng cho nền ngoại giao Việt Nam hiện đại, đồng thời là sự kế thừa, phát triển tư duy đối ngoại đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam từ Đại hội VI (năm 1986) đến nay.

Được kết tinh từ chủ nghĩa yêu nước, văn hóa dân tộc, truyền thống ngoại giao Việt Nam; tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và kinh nghiệm quốc tế; đặt trên nền tảng thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh đã hình thành hệ thống nguyên lý, quan điểm làm “kim chỉ nam” cho hoạch định chính sách đối ngoại của Việt Nam. Những bài học cốt lõi, như “độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường gắn liền với đoàn kết và hợp tác quốc tế”, “kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại” vẫn giữ nguyên giá trị định hướng xuyên suốt.

Tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường là “sợi chỉ đỏ” trong toàn bộ hoạt động chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thể hiện rõ qua chân lý: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Tuy nhiên, độc lập không đồng nghĩa với biệt lập. Trong nhiều cuộc phỏng vấn báo chí quốc tế, Người khẳng định Việt Nam mong muốn “làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”, “hợp tác với mọi nước vui lòng hợp tác thật thà và bình đẳng với Việt Nam”⁽⁵⁾. Trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù mạnh hơn gấp nhiều lần, Người chủ trương phát huy đoàn kết, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, nhưng kiên quyết không lệ thuộc một chiều⁽⁶⁾. Đây chính là nền tảng tư tưởng cho đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa của Việt Nam ngày nay.

Tiếp thu tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, Đảng đã đổi mới mạnh mẽ tư duy đối ngoại trên cơ sở đánh giá toàn diện tình hình thế giới, khu vực và lợi ích quốc gia - dân tộc. Báo cáo chính trị Đại hội VI (năm 1986) của Đảng khẳng định: “Nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước ta trên lĩnh vực đối ngoại là ra sức kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại... tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc”⁽⁷⁾. Nghị quyết số 13, ngày 20-5-1988, của Bộ Chính trị khóa VI cũng nhấn mạnh: “Với một nền kinh tế mạnh, một nền quốc phòng vừa đủ mạnh cùng với sự mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, chúng ta sẽ càng có nhiều khả năng giữ vững độc lập và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội hơn”⁽⁸⁾.

Từ phương châm đối ngoại được xác định tại Hội nghị Trung ương 3 khóa VII (năm 1992), đến Đại hội VIII (năm 1996), độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đã chính thức trở thành đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Qua các kỳ đại hội đảng, tư duy về mở rộng quan hệ đối ngoại từng bước được nâng lên: từ phương châm “muốn là bạn” (Đại hội VII, VIII), sang “sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy” (Đại hội IX)⁽⁹⁾, “là bạn, đối tác tin cậy” (Đại hội X), “là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm” (Đại hội XI, XII)⁽¹⁰⁾ và gần đây nhất là “là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm” (Đại hội XIII)⁽¹¹⁾. Điều đó thể hiện rõ quan điểm hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội. Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX (năm 2003) về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới” tiếp tục bổ sung quan điểm về “đối tác, đối tượng”, đưa ra một số phương châm chỉ đạo trong việc xác định đối tác - đối tượng, cụ thể là: Phải trên tinh thần thêm bạn, bớt thù, phân hóa, cô lập các thế lực thù địch chống đối, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới.

Mười năm sau, Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 8, khóa XI về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới” (năm 2013) đã đưa nguyên

tác trên thành quan điểm: Đối tác là những ai tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác, bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác. Tuy nhiên, cần phân định rõ cấp độ đối tác để có chủ trương và sách lược quan hệ, hợp tác. Đối tượng là “bất kỳ thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng của chúng ta”. Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa còn được cụ thể hóa trong lĩnh vực quốc phòng trên cơ sở chính sách “bốn không, một tùy” trong Sách trắng Quốc phòng Việt Nam năm 2019⁽¹²⁾.

Trên cơ sở kế thừa và phát triển những thành tựu của 40 năm đổi mới, Đại hội XIV của Đảng tiếp tục khẳng định yêu cầu: “Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, đưa quan hệ đối ngoại đi vào chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập quốc tế”⁽¹³⁾. Đây là bước phát triển mới trong tư duy đối ngoại của Đảng, thể hiện sự chuyển trọng tâm từ mở rộng quan hệ sang nâng cao hiệu quả thực chất của các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế, góp phần tạo lập môi trường hòa bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển đất nước và nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới.

Việc Đảng ta kiên định triển khai nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ trong 40 năm đổi mới đã mang lại những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Từ một đất nước bị bao vây, cô lập, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 194 quốc gia trên thế giới, có quan hệ Đối tác toàn diện, Đối tác chiến lược và đối tác chiến lược toàn diện với 40 quốc gia; là thành viên tích cực của hơn 70 tổ chức khu vực và quốc tế; tham gia nhiều thỏa thuận hợp tác, liên kết kinh tế đa tầng nấc; ký kết 17 hiệp định thương mại tự do, kết nối với hơn 60 nền kinh tế chủ chốt toàn cầu, tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và cung ứng quốc tế. Từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, Việt Nam đã trở thành một trong 34 nền kinh tế lớn nhất thế giới, quy mô kinh tế tăng gần 100 lần so với năm 1986⁽¹⁴⁾. Không chỉ khẳng định năng lực phát triển, Việt Nam còn ngày càng thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm trong thúc đẩy chủ nghĩa đa phương, đảm nhiệm thành công nhiều trọng trách quốc tế quan trọng, như: Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (nhiệm kỳ 2008 - 2009, 2020 - 2021), Chủ tịch ASEAN (năm 1998, 2010, 2020), Chủ nhà Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương - APEC (năm 2006, 2017). Việt Nam chủ động đề xuất nhiều sáng kiến đóng góp vào các vấn đề toàn cầu, như ứng phó với dịch bệnh, biến đổi khí hậu, an ninh lương thực - nguồn nước, gìn giữ hòa bình; đồng thời, góp phần định hình hợp tác đa phương khu vực thông qua việc mở rộng Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN như ADMM+, thúc đẩy cơ chế Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS), tham gia sáng lập ASEM, tổ chức Diễn đàn Tương lai ASEAN (AFF)...

Tựu trung, thực tiễn bốn thập niên qua đã khẳng định tính đúng đắn, nhất quán và hiệu quả của đường lối đối ngoại của Việt Nam trong mọi giai đoạn lịch sử. Đây vừa là sự thích ứng phù hợp với quy luật vận động của hệ thống quốc tế, vừa là cơ sở bảo đảm thực hiện hiệu quả các mục tiêu an ninh, phát triển, nâng cao vị thế quốc gia - dân tộc; đồng thời, thể hiện sự vận dụng sáng tạo tư tưởng

ngoại giao Hồ Chí Minh và quá trình đổi mới tư duy đối ngoại nhất quán từ Đại hội VI đến nay.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, việc tiếp tục kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng tiếp tục là định hướng chiến lược có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần tạo lập và củng cố môi trường hòa bình, ổn định, huy động hiệu quả các nguồn lực bên ngoài cho phát triển đất nước, nâng cao vị thế quốc gia - dân tộc, đưa đất nước vững bước trong kỷ nguyên phát triển mới./.

(1), (14) Xem: Tô Lâm: “Vươn mình trong hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.059, tháng 4-2025, tr. 9 – 13

(2), (4), (11) *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 117 - 118, 164, 162

(3) Tô Lâm: “Toàn văn phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Lễ kỷ niệm 95 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Công an Nhân dân điện tử*, ngày 20-1-2025, <https://cand.com.vn/su-kien-binh-luan-thoi-su/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-to-lam-tai-le-ky-niem-95-nam-ngay-thanh-lap-dang-cong-san-viet-nam-i757117/>

(5) Hồ Chí Minh: *Nghệ thuật trả lời phỏng vấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020, tr. 107, 160

(6) Nguyễn Dy Niên: *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 42 - 43, 112, 114, 119

(7), (9) *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ Đổi mới (Phần I - Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, tr. 97, 336, 656, 878

(8) “Đổi ngoại tiên phong trong củng cố môi trường hòa bình, vì sự phát triển đất nước”, *Quân đội nhân dân điện tử*, ngày 23-1-2021, <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/dua-nghi-quyet-cua-dang-vao-cuoc-song/nghi-quyet-va-cuoc-song/bai-5-doi-ngoai-tien-phong-trong-cung-co-moi-truong-hoa-binh-vi-su-phat-trien-dat-nuoc-649975>

(10) *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ Đổi mới (Phần II - Đại hội X, XI, XII)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, tr. 33, 435, 589

(12) 1- Không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ để chống lại nước khác; 2- Không tham gia liên minh quân sự; 3- Không liên kết với nước này để chống nước kia; 4- Không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế. Tùy theo diễn biến của tình hình và trong những điều kiện cụ

thể, Việt Nam sẽ cân nhắc phát triển các mối quan hệ quốc phòng, quân sự cần thiết với mức độ thích hợp. Xem: Bộ Quốc phòng: *Sách trắng Quốc phòng Việt Nam 2019*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2019, tr. 25

(13) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2026, t. II, tr. 19